

Số 135-BC/VPTW/nb

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

VĂN BẢN ĐẾN QUA MẠNG

Số: 380. Ngày: 28/1/4/2023

Chuyên: C. Kỹ thuật

Lưu hồ sơ:

BÁO CÁO

kết quả thực hiện Chương trình 27 năm 2022

phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

Thực hiện nhiệm vụ trong Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 27-QĐ/TW, ngày 10/8/2021 của Ban Bí thư (sau đây gọi tắt là Chương trình 27), Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tổng hợp kết quả triển khai năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 trên cơ sở báo cáo của 11/11 cơ quan đảng ở Trung ương¹ và 61/63 tỉnh uỷ, thành uỷ², cụ thể như sau:

I- KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH 27 NĂM 2022

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

1.1. Văn phòng Trung ương Đảng

- Ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn cơ quan đảng triển khai ứng dụng công nghệ thông tin như: 1) Quy định về việc triển khai và cập nhật kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng. 2) Hướng dẫn tổ chức hạ tầng kỹ thuật mạng máy tính của các tỉnh uỷ, thành uỷ theo Chương trình 27.

- Thẩm định Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2021 - 2025 của các tỉnh uỷ, thành uỷ và các cơ quan đảng ở Trung ương³; thẩm định các dự án, hạng mục công nghệ thông tin của các cơ quan đảng ở Trung ương và một số địa phương; hướng dẫn, giải quyết vướng mắc của các tỉnh uỷ, thành uỷ triển khai. Chỉ đạo các cơ quan đảng thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định.

¹ Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ Trung ương, Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương, Đảng uỷ Khối Doanh nghiệp Trung ương.

² Văn phòng Tỉnh uỷ Đắk Nông, Văn phòng Tỉnh uỷ Phú Yên đang xin ý kiến ban hành kế hoạch để triển khai nên chưa thực hiện nội dung nào theo Chương trình 27.

³ Quý I/2023 đã thẩm định 100% kế hoạch của các tỉnh uỷ, thành uỷ và các cơ quan đảng ở Trung ương.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch giữa Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Cơ yếu Chính phủ về việc triển khai thực hiện bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của các cơ quan đảng theo Quyết định số 27-QĐ/TW, ngày 10/8/2021 của Ban Bí thư; Kế hoạch giữa Văn phòng Trung ương Đảng và Bộ Tư lệnh 86 (Bộ Tư lệnh tác chiến không gian mạng, Bộ Quốc phòng) về việc phối hợp thực hiện công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin của Văn phòng Trung ương Đảng và cơ quan đảng ở Trung ương giai đoạn 2022 - 2025⁴.

- Ban hành và triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Văn phòng Trung ương Đảng giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch tổ chức lại các kết nối, định tuyến trong mạng thông tin diện rộng của Đảng theo mô hình 2 cấp⁵; Kế hoạch tiêu huỷ ổ đĩa cứng và vật mang tin của các cơ quan đảng ở Trung ương⁶; Kế hoạch tập huấn cán bộ công nghệ thông tin các tỉnh uỷ, thành uỷ và cơ quan đảng ở Trung ương năm 2022; Kế hoạch tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ của Văn phòng Trung ương Đảng; Kế hoạch kiểm tra ứng dụng công nghệ thông tin tại các tỉnh uỷ, thành uỷ và cơ quan Trung ương Đảng năm 2022⁷.

- Ban hành các quyết định bố trí kinh phí cho các cơ quan đảng ở Trung ương theo nguồn vốn đầu tư công và nguồn kinh phí hằng năm để triển khai các nhiệm vụ theo Chương trình 27. Thẩm định, phê duyệt các dự án trọng tâm của các cơ quan đảng ở Trung ương theo Chương trình 27.

- Xây dựng, hoàn thiện Đề án tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin - Cơ yếu thành Cục Công nghệ thông tin - Cơ yếu.

1.2. Các tỉnh uỷ, thành uỷ và các cơ quan đảng ở Trung ương

Hầu hết các cơ quan đã chủ động lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc các cấp nâng cao nhận thức về vai trò của công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng, ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, từ đó thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống các cơ quan đảng, gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, góp phần đổi mới lề lối làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính trong Đảng.

⁴ Kế hoạch số 01-KH/VPTWĐ-BCYCP, ngày 24/01/2022; Kế hoạch số 01-KH/VPTWĐ-BTL86, ngày 21/12/2022.

⁵ Kế hoạch số 47-KH/VPTW/nb, ngày 15/3/2022 của Văn phòng Trung ương Đảng.

⁶ Kế hoạch số 84-KH/VPTW/nb, ngày 17/10/2022 của Văn phòng Trung ương Đảng.

⁷ Đã tổ chức kiểm tra tại 8 tỉnh uỷ, thành uỷ: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Cà Mau, Bạc Liêu.

Theo báo cáo, trong năm 2022 đã có 35 tỉnh uỷ, thành uỷ ban hành được Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được Văn phòng Trung ương Đảng thẩm định. Nhiều tỉnh uỷ, thành uỷ đã chỉ đạo các huyện uỷ, thị uỷ ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan huyện uỷ, thị uỷ giai đoạn 2021 - 2025. Một số tỉnh uỷ, thành uỷ ban hành nghị quyết, đề án, chương trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng, đoàn thể đến năm 2025, định hướng đến năm 2030⁸.

Các cơ quan đảng ở Trung ương đã ban hành và triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2021 - 2025.

Trong năm 2022, có thêm 15 tỉnh uỷ, thành uỷ được phê duyệt Báo cáo chủ trương đầu tư giai đoạn 2021 - 2025⁹ và 13 tỉnh uỷ, thành uỷ được phê duyệt dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo Luật Đầu tư công¹⁰. Nhiều tỉnh uỷ, thành uỷ sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên hằng năm để triển khai các nhiệm vụ trong giai đoạn 2021 - 2025.

Một số tỉnh uỷ tổ chức các hội nghị tập huấn, quán triệt nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong tỉnh¹¹.

2. Công tác triển khai, quản trị, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật

2.1. Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức kết nối tập trung mạng thông tin diện rộng của Đảng về Trung tâm tích hợp dữ liệu của Trung ương Đảng, tổ chức phân vùng mạng để tạo thuận lợi cho công tác quản trị, vận hành, triển khai các dịch vụ hệ thống phục vụ các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương¹². Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương để triển khai hạ tầng kết nối dự phòng qua mạng truyền số liệu chuyên dùng; duy trì kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng với Trục liên thông văn bản quốc gia.

2.2. Các cơ quan đảng ở Trung ương mua sắm, thay thế trang thiết bị công nghệ thông tin cho cán bộ để đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ và số hoá tài

⁸ Tỷ lệ địa phương ban hành Kế hoạch, Đề án, Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2021 - 2025 là 50, đạt tỷ lệ 79%.

⁹ Tổng cộng đã có 297 địa phương đã ban hành được Báo cáo này, đạt tỷ lệ 48%. Báo cáo của 11 địa phương đang chờ phê duyệt, chiếm tỷ lệ 18%.

¹⁰ Tổng cộng đã có 26 địa phương có dự án theo Luật Đầu tư công được phê duyệt, đạt tỷ lệ 42%. Hiện tại còn 14 địa phương có dự án đang chờ được phê duyệt, chiếm tỷ lệ 23%.

¹¹ Đồng Nai, Tây Ninh, Thái Nguyên, Ninh Bình...

¹² Phân chia mạng trong Trung tâm tích hợp dữ liệu của Trung ương Đảng thành nhiều vùng mạng khác nhau. Các dịch vụ hệ thống (DNS, FTP, CA,...) và các ứng dụng công cộng (trang thông tin điện tử, thư điện tử,...) được triển khai trên hệ điều hành Window Server 2016 std.

liệu, bổ sung các thiết bị cho hệ thống hội nghị trực tuyến. Triển khai giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ cho mạng LAN áp dụng đối với các máy tính soạn thảo, lưu giữ, gửi, nhận văn bản mật.

2.3. Các tỉnh uỷ, thành uỷ: Tiếp tục xây dựng hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm tích hợp dữ liệu các cơ quan đảng tại địa phương¹³, nâng tỉ lệ địa phương hoàn thành nhiệm vụ này lên tới 70%¹⁴; tiếp tục xây dựng hệ thống phòng họp trực tuyến, nâng tỉ lệ hoàn thành hệ thống họp trực tuyến lên 73% tại cấp huyện¹⁵ và 57% tại cấp xã¹⁶; nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng kết nối Internet, nâng tỉ lệ hoàn thành lên 56%¹⁷ tại cấp tỉnh và tỉ lệ 52% tại cấp huyện¹⁸; tiếp tục nâng cấp trang thiết bị cho cán bộ, công chức, nâng tỉ lệ hoàn thành nhiệm vụ này lên tới 59% tại cấp tỉnh¹⁹, 53% tại cấp huyện²⁰ và 48% tại cấp xã²¹; triển khai hòm thư công vụ trên Internet để trao đổi thông tin không mật giữa cấp huyện với các đơn vị cấp xã, phường nhằm nâng cao tính thuận tiện trong trao đổi thông tin, đáp ứng yêu cầu, đúng quy định và giảm chi phí, nâng tỉ lệ hoàn thành lên 70%²²; triển khai chữ ký số để bảo đảm tính pháp lý đối với các văn bản điện tử, tăng khả năng chuyển đổi số, nâng tỉ lệ hoàn thành hạng mục này tại cấp tỉnh là 88%²³, tại cấp huyện là 83%²⁴ và tại cấp xã là 44%²⁵.

¹³ Trong năm 2022 có thêm 7 tỉnh uỷ, thành uỷ xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm tích hợp dữ liệu đặt tại văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ.

¹⁴ Tổng cộng đã có 43 địa phương hoàn thành nhiệm vụ này. Có 53 địa phương thực hiện xong việc tập trung các CSDL, HTTT từ cấp huyện về cấp tỉnh từ giai đoạn Chương trình 260, trong giai đoạn Chương trình 27 có thêm 2 địa phương hoàn thành việc này từ năm 2021.

¹⁵ Trong năm có thêm 6 địa phương hoàn thành việc xây dựng phòng họp trực tuyến tại trụ sở của huyện uỷ, thị uỷ. Tổng cộng đã có 44 địa phương xây dựng xong hệ thống này tại cấp huyện¹⁵ và có 8 địa phương đang triển khai công tác này, chiếm tỉ lệ 13%.

¹⁶ Trong năm, có thêm 7 địa phương hoàn thành việc đầu tư phòng họp trực tuyến tới các đảng uỷ xã, phường, thị trấn. Hiện tại đã có 35 địa phương hoàn tất công việc này¹⁶ và có 5 địa phương đang triển khai công tác này.

¹⁷ Trong năm, có thêm 2 địa phương thực hiện việc nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng kết nối Internet cấp tỉnh. Hiện tại đã có 34 địa phương hoàn thành hạng mục này và có 5 địa phương đang thực hiện.

¹⁸ Có thêm 2 địa phương hoàn thành hạng mục này tại cấp huyện. Tổng cộng đã có 31 địa phương hoàn thành hạng mục này và có 5 địa phương đang triển khai hạng mục này.

¹⁹ Trong năm có thêm 4 địa phương hoàn thành hạng mục bổ sung, nâng cấp thiết bị cho cán bộ tại tỉnh uỷ, thành uỷ. Hiện tại có 35 địa phương đã hoàn thành hạng mục này và có 11 địa phương đang thực hiện hạng mục này.

²⁰ Tại cấp huyện, có 2 địa phương hoàn thành nhiệm vụ này trong năm. Hiện tại đã có 34 địa phương hoàn thành hạng mục này tại cấp huyện và có 13 địa phương đang triển khai hạng mục này.

²¹ Trong năm có 3 địa phương hoàn thành hạng mục này tại cấp xã. Hiện tại đã có 29 địa phương hoàn thành mục tiêu này, đạt tỉ lệ 48%.

²² Trong năm có 3 tỉnh uỷ, thành uỷ triển khai hệ thống thư điện tử công vụ cho cán bộ các cơ quan đảng địa phương trên Internet. Hiện tại đã có 42 địa phương hoàn thành hạng mục này.

²³ Trong năm có thêm 8 địa phương triển khai sử dụng chữ ký số tại cấp tỉnh. Hiện tại đã có 54 địa phương hoàn thành hạng mục này.

²⁴ Có thêm 5 địa phương hoàn thành triển khai chữ ký số tại cấp huyện. Hiện tại đã có 50 tỉnh uỷ, thành uỷ triển khai chữ ký số tại cấp huyện.

²⁵ Trong năm có 5 tỉnh uỷ, thành uỷ triển khai chữ ký số tại cấp xã, tổng cộng đã có 27 tỉnh uỷ, thành uỷ hoàn thành mục tiêu này.

3. Công tác xây dựng, triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng và sử dụng trong các hoạt động của cơ quan đảng

3.1. Văn phòng Trung ương Đảng

- Xây dựng các phần mềm hệ thống thông tin trọng tâm dùng chung trong các cơ quan đảng đã được xác định ở Chương trình 27, bao gồm:

+ Các phần mềm cài đặt tập trung tại Văn phòng Trung ương Đảng²⁶ và sẽ bàn giao tài khoản cho các cơ quan để sử dụng.

+ Các phần mềm chuyển giao cho các cơ quan đảng toàn quốc để cài đặt, sử dụng tại các tỉnh uỷ, thành uỷ²⁷.

- Xây dựng, triển khai và tiếp tục sử dụng hiệu quả các phần mềm phục vụ công tác tham mưu, nghiệp vụ trong nội bộ cơ quan²⁸.

- Thường xuyên cập nhật, trao đổi văn bản điện tử có chữ ký số trên mạng thông tin điện rộng của Đảng với các cơ quan đảng và qua Trục liên thông văn bản quốc gia với các cơ quan nhà nước. Ký số các văn bản công khai của Bộ Chính trị, Ban Bí thư để phát hành rộng rãi tới các cơ quan đảng, ban cán sự đảng các bộ, ban, ngành²⁹.

- Số hoá tài liệu lưu trữ điện tử theo kế hoạch của Dự án Kho lưu trữ điện tử³⁰.

- Triển khai ký số và giao dịch với Kho bạc Nhà nước, cơ quan thuế, bảo hiểm xã hội trên mạng Internet.

- Sử dụng dịch vụ thư điện tử trên mạng Internet với tên miền vptw.dcs.vn cho cán bộ các đơn vị trong cơ quan. Quản lý tên miền dcs.vn và cung cấp tên miền cấp 3 cho các cơ quan đảng để sử dụng cho các ứng dụng trên mạng Internet.

²⁶ 1) Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan đảng. 2) Phần mềm tìm kiếm thông tin trong mạng điện rộng của Đảng. 3) Phần mềm tìm kiếm thông tin trên mạng Internet. 4) phần mềm tổng hợp thông tin trên Internet. 5) phần mềm Quản lý tài sản.

²⁷ 1) Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp (không sử dụng nền tảng Lotus Notes 8.5). 2) Phần mềm Hệ thống thông tin quản lý tài liệu số hoá lưu trữ. 3) Phần mềm Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ.

²⁸ Hệ thống thông tin tổng hợp tại Văn phòng Trung ương Đảng; Phần mềm chuyển đổi giọng nói tiếng Việt sang văn bản; phần mềm hỗ trợ tổng hợp ý kiến thảo luận tại tổ của Trung ương; phần mềm kiểm phiếu bằng máy tính; phần mềm tự động sắp xếp chỗ ngồi; quản lý các cuộc làm việc, tiếp khách tại Trụ sở Trung ương Đảng; phần mềm quản lý chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phần mềm quản lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo; phần mềm quản lý điện mật...

²⁹ Hơn 60% văn bản, tài liệu chính thức (theo quy định) trao đổi giữa Văn phòng Trung ương Đảng với các cơ quan đảng ở Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương được gửi, nhận dưới dạng điện tử có chữ ký số; 60% văn bản giấy từ các cơ quan khác gửi tới được quét và cập nhật vào Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

³⁰ Số lượng tài liệu lưu trữ lịch sử được số hoá khoảng gần 5 triệu trang tài liệu.

3.2. Các cơ quan đảng ở Trung ương

- Tiếp tục sử dụng hiệu quả các phần mềm hệ thống thông tin đã triển khai như Hệ điều hành tác nghiệp trong mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng Internet để trao đổi văn bản điện tử có ký số với các cơ quan đảng và cơ quan chính quyền; các phần mềm tổng hợp thông tin trên Internet phục vụ công tác tham mưu; số hoá và cập nhật các tài liệu điện tử; thuê dịch vụ thư điện tử trên Internet cho cán bộ trong cơ quan sử dụng.

- Xây dựng, nâng cấp, triển khai các phần mềm hệ thống thông tin chuyên ngành và phần mềm phục vụ hoạt động nội bộ cơ quan:

+ Ban Tổ chức Trung ương: Tiếp tục triển khai Dự án "Xây dựng cơ sở dữ liệu tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị".

+ Ban Tuyên giáo Trung ương: Triển khai Cổng thông tin điện tử của Đảng trên Internet; Hệ thống nhận diện khuôn mặt và giám sát an toàn, an ninh mạng Internet; Hệ thống phòng họp không giấy (e-cabinet); Thuê dịch vụ hosting cho Hệ thống thông tin điện tử Tuyên giáo VCNet.

+ Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Các phần mềm Quản lý đơn, thư, Quản lý theo dõi tổng hợp, Quản lý hồ sơ công tác kiểm tra...³¹

+ Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ Trung ương: Phần mềm Quản lý hồ sơ sức khoẻ cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

+ Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương: Triển khai phần mềm Quản lý hồ sơ đảng viên tới các đảng uỷ trực thuộc.

3.3. Các tỉnh uỷ, thành uỷ

- Đưa Cổng thông tin điện tử của đảng bộ các tỉnh uỷ, thành uỷ trên Internet vào sử dụng, nâng tỉ lệ hoàn thành lên 70%³²; sử dụng mã định danh trong mạng thông tin diện rộng của Đảng khoảng 65%³³, trên Internet đạt tỉ lệ 64%³⁴; cài đặt, sử dụng phần mềm gửi nhận văn bản trên Internet³⁵, nâng tỉ lệ sử dụng phần mềm này lên 83%, hỗ trợ tốt việc chỉ đạo, điều hành, trao đổi, gửi, nhận văn bản có nội dung thông tin không mật giữa các cơ quan đảng và cơ quan

³¹ Các phần mềm đã triển khai tại Ủy ban Kiểm tra Trung ương, một số chưa triển khai tại các địa phương.

³² Trong năm đã có thêm 4 địa phương đưa Cổng này vào sử dụng. Tổng cộng đã có 42 địa phương sử dụng Cổng này.

³³ Trong năm có thêm 5 địa phương đưa mã định danh trong mạng nội bộ vào sử dụng. Tổng cộng đã có 39 địa phương sử dụng mã định danh này trong mạng nội bộ.

³⁴ Trong năm có thêm 3 địa phương đưa mã định danh trên Internet vào sử dụng. Tổng cộng đã có 38 địa phương sử dụng mã định danh này trên Internet.

³⁵ Trong năm 2022, có thêm 3 địa phương triển khai cài đặt, đưa vào sử dụng phần mềm này. Hiện đã có 50 địa phương sử dụng phần mềm này.

chính quyền trong nội bộ tỉnh, thành, nâng tỉ lệ địa phương thực hiện tốt việc gửi nhận, xử lý thông tin điện tử trên mạng Internet, hạn chế tối đa trao đổi, xử lý thông tin trên giấy tại cấp tỉnh lên tới 70% và tại cấp huyện là 53%³⁶; đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ³⁷.

- Trao đổi văn bản với các cơ quan trong tỉnh qua Trục liên thông văn bản quốc gia, Trục liên thông của tỉnh hoặc sử dụng chung phần mềm trên mạng Internet; triển khai sử dụng Hệ điều hành tác nghiệp giao diện web trên nền Lotus Notes do Văn phòng Trung ương Đảng chuyển giao, nâng tỉ lệ sử dụng tại cấp tỉnh đạt 55%³⁸, tỉ lệ cài đặt, sử dụng tại cấp huyện lên 48%³⁹, nâng tỉ lệ địa phương thực hiện tốt việc gửi nhận, xử lý thông tin điện tử trên mạng diện rộng của Đảng tại cấp tỉnh lên 75%⁴⁰ và tại cấp huyện lên 63%⁴¹.

- Triển khai phần mềm kế toán và phần mềm quản lý tài sản Đảng vào sử dụng, nâng tỉ lệ sử dụng phần mềm kế toán lên 87%⁴² và phần mềm quản lý tài sản Đảng lên tới 85%⁴³. Ngoài ra, một số cơ quan còn xây dựng, tiếp nhận đưa vào sử dụng thêm những phần mềm đặc thù để phục vụ công tác chuyên môn.

- Việc cập nhật dữ liệu được các cơ quan thực hiện thường xuyên; các tỉnh uỷ, thành uỷ thực hiện cập nhật văn bản đi vào cơ sở dữ liệu đầy đủ; số hoá, cập nhật văn bản đến vào cơ sở dữ liệu cũng được thực hiện khá đều đặn. Một số địa phương đã thực hiện việc số hoá tài liệu lưu trữ lịch sử theo Hướng dẫn số 40-HD/VPTW, ngày 07/11/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về số hoá tài liệu tại các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội.

- Sử dụng phần mềm Quản lý hồ sơ đảng viên 3.0 (thuộc Hệ thống thông tin chuyên ngành Tổ chức - Xây dựng Đảng) vào sử dụng tại cấp tỉnh⁴⁴ và cấp

³⁶ Tại các cơ quan đảng cấp tỉnh của 42 địa phương thực hiện tốt việc gửi nhận, xử lý thông tin điện tử trên mạng Internet, hạn chế tối đa trao đổi, xử lý thông tin trên giấy, có 12 địa phương thực hiện tương đối tốt công việc này, đạt tỉ lệ 20%. Tại các cơ quan đảng cấp huyện của 32 địa phương thực hiện tốt công việc này, đạt tỉ lệ 53%, các cơ quan đảng cấp huyện của 18 địa phương thực hiện tương đối tốt công việc này, đạt tỉ lệ 30%.

³⁷ Trong năm có 2 địa phương đưa vào sử dụng. Tổng cộng có 9 địa phương sử dụng HTTT này, đạt tỉ lệ 14%.

³⁸ Trong năm có thêm 4 địa phương tổ chức việc cài đặt và sử dụng hệ thống này tại các cơ quan đảng cấp tỉnh. Tổng cộng hiện có 33 địa phương sử dụng phần mềm này tại cấp tỉnh.

³⁹ Trong năm có 5 địa phương thực hiện việc cài đặt và đưa phần mềm này vào sử dụng tại các cơ quan đảng cấp huyện. Tổng số địa phương sử dụng phần mềm này tại cấp huyện là 29, đạt tỉ lệ 48%.

⁴⁰ Hầu hết các cơ quan đảng cấp tỉnh của 45 địa phương thực hiện tốt việc gửi nhận, xử lý thông tin điện tử trên mạng diện rộng của Đảng, hạn chế tối đa trao đổi, xử lý thông tin trên giấy. Đa số các cơ quan đảng cấp tỉnh của 11 địa phương thực hiện tốt công việc này, đạt tỉ lệ 18%.

⁴¹ Các cơ quan đảng cấp huyện của 38 địa phương thực hiện tốt việc gửi nhận, xử lý thông tin điện tử trên mạng diện rộng của Đảng, hạn chế tối đa trao đổi, xử lý thông tin trên giấy, đạt tỉ lệ 63%. Các cơ quan đảng cấp huyện của 14 địa phương thực hiện tương đối tốt công việc này, đạt tỉ lệ 23%.

⁴² Trong năm 2022, có thêm 1 tỉnh uỷ, thành uỷ đưa vào sử dụng phần mềm kế toán, tổng cộng hiện có 52 địa phương sử dụng phần mềm đạt tỉ lệ 87%.

⁴³ Trong năm cũng có thêm 1 tỉnh uỷ, thành uỷ đưa vào sử dụng phần mềm quản lý tài sản do Văn phòng Trung ương Đảng chuyển giao, tổng cộng hiện có 51 địa phương sử dụng phần mềm này, đạt tỉ lệ 85%.

⁴⁴ Có thêm 1 địa phương triển khai cài đặt cơ sở dữ liệu đảng viên phiên bản 3.0 tại cấp tỉnh, hiện có 100% địa phương sử dụng HTTT này tại cấp tỉnh.

huyện⁴⁵, đưa phần mềm quản lý cán bộ, công chức vào sử dụng tại cấp tỉnh⁴⁶ và cấp huyện⁴⁷, đưa phần mềm quản lý chính trị nội bộ vào sử dụng tại cấp tỉnh⁴⁸ và cấp huyện⁴⁹; cài đặt, đưa phần mềm hệ thống thông tin chuyên ngành Kiểm tra đảng vào hoạt động⁵⁰, đưa vào sử dụng hệ thống thông tin chuyên ngành Tuyên giáo⁵¹.

- Nhiều địa phương triển khai các phần mềm phục vụ các hoạt động nội bộ cơ quan hoặc trong đảng bộ tỉnh, thành như: Sổ tay đảng viên điện tử, quản lý công việc, lịch công tác, quản lý đội xe, quản lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phòng họp không giấy, nhận dạng giọng nói tiếng Việt sang chữ viết,... nhiều sản phẩm phần mềm đã được xây dựng thành ứng dụng (app) sử dụng trên các thiết bị di động, thuận tiện cho người sử dụng.

4. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng máy tính

4.1. Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan đảng ở Trung ương

- Mạng thông tin diện rộng của Đảng được tổ chức tách biệt với mạng Internet. Đường truyền kết nối các cơ quan đảng ở Trung ương sử dụng mạng cáp quang riêng do Cục Bưu điện Trung ương quản lý.

- Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức lại Trung tâm tích hợp dữ liệu của Trung ương Đảng bảo đảm hệ thống mạng máy tính hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn, an ninh mạng. Phân chia lại các vùng mạng, kiểm soát vào/ra và rà soát, điều chỉnh chính sách an ninh mạng giữa các cơ quan đảng ở Trung ương với các tỉnh uỷ, thành uỷ, hạn chế việc lây lan mã độc.

- Triển khai dự án xây dựng Hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng của các cơ quan đảng ở Trung ương.

⁴⁵ Có thêm 1 địa phương đưa vào sử dụng HTTT này tại cấp huyện, hiện có 100% các huyện uỷ, thị uỷ đã sử dụng HTTT này.

⁴⁶ Trong năm có thêm 6 địa phương đưa phần mềm quản lý cán bộ - công chức vào sử dụng tại cấp tỉnh, hiện có 27 địa phương sử dụng phần mềm này tại cấp tỉnh, đạt tỉ lệ 45%.

⁴⁷ Tại cấp huyện, trong năm có 3 địa phương đưa phần mềm này vào sử dụng, hiện có 18 địa phương sử dụng phần mềm này tại cấp huyện, đạt tỉ lệ 30%.

⁴⁸ Có thêm 2 địa phương đưa phần mềm bảo vệ chính trị nội bộ vào sử dụng tại cấp tỉnh, hiện có 7 địa phương sử dụng phần mềm này tại cấp tỉnh, đạt tỉ lệ 11%.

⁴⁹ Tại cấp huyện, trong năm có 3 địa phương đưa phần mềm này vào sử dụng, hiện có 4 địa phương sử dụng phần mềm này tại cấp huyện, đạt tỉ lệ 7%.

⁵⁰ Trong năm có thêm 25 địa phương đưa HTTT chuyên ngành Kiểm tra đảng vào sử dụng tại cấp tỉnh. Hiện có 49 địa phương đang sử dụng HTTT này tại cấp tỉnh. Tại cấp huyện, hiện tại hầu hết đều không sử dụng HTTT chuyên ngành Kiểm tra đảng.

⁵¹ Trong năm có thêm 1 địa phương triển khai phần mềm HTTT chuyên ngành Tuyên giáo tại cấp tỉnh. Hiện tại có 35 địa phương sử dụng HTTT này tại cấp tỉnh, đạt tỉ lệ 58%.

- Phối hợp với Bộ Tư lệnh 86 trong việc theo dõi, giám sát an toàn thông tin trên hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng Internet của cơ quan đảng ở Trung ương; nâng cấp các phần mềm trong hệ thống giám sát; cảnh báo và phối hợp ngăn chặn, khắc phục các sự cố về an toàn thông tin; triển khai bổ sung các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công an kiểm tra bảo vệ bí mật nhà nước trên mạng máy tính; kiểm tra an ninh mạng; kiểm tra các thiết bị công nghệ thông tin trước khi đưa vào sử dụng.

- Phối hợp Cục Bưu điện Trung ương, Cục An toàn thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông giám sát mạng truyền số liệu chuyên dùng, các ứng dụng trên mạng Internet, cảnh báo khi phát hiện sự cố; cập nhật thông tin về an toàn thông tin ở Việt Nam.

- Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai mạng máy tính bảo mật và các sản phẩm mật mã như: Máy tính an toàn đa giao diện; USB an toàn; chứng thư số; thiết bị bảo mật hệ thống hội nghị trực tuyến và các phần mềm mã hoá cơ sở dữ liệu, mã hoá ổ cứng và mã hoá tệp vào sử dụng.

- Triển khai máy chủ quản lý và lỗ hổng bảo mật; phần mềm chống virus Kaspersky có bản quyền và các phần mềm giám sát; thiết lập luật cấm sử dụng USB thương mại; tắt các chức năng có thể ảnh hưởng tới an toàn thông tin tại máy trạm kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng: bluetooth, camera, card mạng wifi...

- Tổ chức mạng máy tính với các giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ để soạn thảo, lưu trữ, trao đổi văn bản có nội dung thông tin mật trong cơ quan. Các máy tính sử dụng để soạn thảo văn bản có độ mật cao là máy tính riêng không kết nối vào bất cứ mạng máy tính nào.

- Duy trì và vận hành ổn định, an toàn các hội nghị trực tuyến có nội dung thông tin mật với thiết bị bảo mật kênh truyền của Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Thực hiện tiêu huỷ ổ đĩa cứng và các vật mang tin của các cơ quan theo giải pháp của Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Tổ chức các hội nghị tập huấn về công tác bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ kỹ thuật và cán bộ sử dụng.

4.2. Các tỉnh uỷ, thành uỷ

Các tỉnh uỷ, thành uỷ duy trì mạng nội bộ kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng Internet, tuy nhiên số lượng máy tính kết nối mạng thông tin diện rộng giảm nhiều vì nhiều phần mềm ứng dụng của địa phương

hoạt động trên Internet. Một số đơn vị bố trí máy tính riêng để soạn thảo các văn bản có nội dung thông tin mật: Có 30 địa phương bảo đảm tuyệt đối việc sử dụng máy tính độc lập để soạn thảo, lưu trữ, quản lý thông tin cấp 2 đối với văn bản tối mật, tuyệt mật, và 13 địa phương bảo đảm hầu như tuyệt đối tại cấp tỉnh; có 20 địa phương bảo đảm tuyệt đối và có 12 địa phương bảo đảm hầu như tuyệt đối tại các cơ quan đảng cấp huyện.

Có 18 địa phương thường xuyên sử dụng *USB của Cơ yếu khi sao chép dữ liệu giữa hai hệ thống mạng* và 24 địa phương sử dụng tương đối thường xuyên công cụ này tại các cơ quan đảng cấp tỉnh; có 9 địa phương thường xuyên sử dụng công cụ này và có 16 địa phương sử dụng tương đối thường xuyên công cụ này tại các cơ quan đảng cấp huyện.

Có 29 địa phương thực hiện tốt việc mã hoá các văn bản mật bằng giải pháp của Cơ yếu khi gửi nhận và lưu trữ trên mạng tại cấp tỉnh và có 4 địa phương thực hiện tương đối tốt việc này tại cấp tỉnh. Có 20 địa phương thực hiện tốt việc này tại cấp huyện và có 7 địa phương thực hiện tương đối tốt việc này tại cấp huyện.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ đã chú trọng đầu tư các sản phẩm bảo đảm an toàn thông tin như phần mềm diệt virus có bản quyền và triển khai quản trị tập trung; nâng cấp các phần mềm hệ điều hành, hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

Thường xuyên phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và Bộ Tư lệnh 86 khắc phục các sự cố an ninh mạng, gỡ bỏ mã độc.

Triển khai, quản lý, vận hành hệ thống hội nghị trực tuyến có giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ; triển khai máy chủ bảo mật kênh truyền BMVPN; sử dụng các thiết bị mã hoá phục vụ hệ thống thông tin chuyên ngành.

Quản trị, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh uỷ, thành uỷ. Một số địa phương đã triển khai hệ thống tự động cập nhật, vá lỗi hệ điều hành.

Hầu hết các tỉnh uỷ, thành uỷ tuân thủ Quy định số 5572-QĐ/VPTW về việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình xây dựng, triển khai các phần mềm hệ thống thông tin.

5. Công tác đào tạo, tập huấn công nghệ thông tin

Văn phòng Trung ương Đảng đã tổ chức 4 hội nghị tập huấn công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ công nghệ thông tin của các cơ quan Trung ương đảng và các tỉnh uỷ, thành uỷ; tổ chức 2 hội nghị quán triệt về an toàn thông tin và 1 hội nghị hướng dẫn sử dụng phần mềm cho cán bộ cơ quan.

Trong năm 2022, có 25 địa phương đã tổ chức được trên 1 đợt tập huấn cho cán bộ công nghệ thông tin của các huyện uỷ, thị uỷ và có 19 địa phương tổ chức được 1 đợt tập huấn cho đối tượng này. Có 8 địa phương tập huấn được trên 1 đợt cho tất cả cán bộ cấp tỉnh, có 15 địa phương tập huấn được trên 1 đợt cho một số cán bộ, có 5 địa phương tổ chức được 1 đợt tập huấn cho tất cả các cán bộ⁵².

Qua các đợt tập huấn, trình độ và kỹ năng của cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin được nâng cao. Trình độ và kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm của cán bộ, chuyên viên cũng được bồi dưỡng, nâng cao theo các chuyên đề khác nhau.

6. Tổ chức bộ máy triển khai ứng dụng công nghệ thông tin

Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan đảng ở Trung ương phân công 1 đồng chí lãnh đạo cơ quan phụ trách việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin. Trung tâm Công nghệ thông tin - Cơ yếu là đơn vị trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng có nhiệm vụ tham mưu lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư triển khai Chương trình 27 trong các cơ quan đảng; hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra việc ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan đảng; triển khai các dự án công nghệ thông tin; bảo đảm an toàn thông tin cho mạng thông tin diện rộng của Đảng; quản lý hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ hệ thống chính trong mạng thông tin diện rộng của Đảng; xây dựng, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và quản trị, vận hành, bảo đảm kỹ thuật cho mạng máy tính của cơ quan tại Hà Nội, Đà Nẵng (T.26), Thành phố Hồ Chí Minh (T.78).

Nhiệm vụ quản lý và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng ở Trung ương giao Văn phòng cơ quan chủ trì thực hiện. Trong Văn phòng cơ quan có phòng công nghệ thông tin (khoảng 3 - 5 cán bộ) hoặc bộ phận công nghệ thông tin (có 1 cán bộ) để bảo đảm kỹ thuật và tham mưu, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin⁵³.

Các địa phương phân công 1 đồng chí lãnh đạo tỉnh uỷ, thành uỷ chỉ đạo công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin⁵⁴. Nhiệm vụ đầu tư, quản

⁵² Đối với người sử dụng cấp huyện: Có 8 tỉnh uỷ, thành uỷ tập huấn được trên 1 lượt cho tất cả cán bộ, có 13 địa phương tập huấn được trên 1 lượt cho một số cán bộ, có 8 địa phương tổ chức được 1 lượt tập huấn cho tất cả các cán bộ; đối với cán bộ cấp xã, có 5 tỉnh uỷ, thành uỷ tập huấn được trên 1 lượt cho tất cả cán bộ, có 6 địa phương tập huấn được trên 1 lượt cho một số cán bộ, có 4 địa phương tổ chức được 1 lượt tập huấn cho tất cả các cán bộ.

⁵³ Các ban đảng ở Trung ương có phòng công nghệ thông tin: Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương. Các cơ quan có 1 cán bộ công nghệ thông tin thuộc các phòng văn thư, lưu trữ, quản trị: Ban Kinh tế Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương, Đảng uỷ Khối Doanh nghiệp Trung ương; Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ Trung ương; Hội đồng Lý luận Trung ương.

⁵⁴ Có 4 địa phương cử đồng chí bí thư tỉnh uỷ là người trực tiếp chỉ đạo công nghệ thông tin⁵⁴, có 40 địa phương cử đồng chí phó bí thư thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ là người trực tiếp chỉ đạo công nghệ thông tin, có 4 địa phương cử đồng chí phó bí thư là người trực tiếp chỉ đạo công nghệ thông tin; có 24 địa phương cử đồng chí chánh văn phòng

lý, triển khai, hướng dẫn giao cho các văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ chủ trì. Phòng Cơ yếu - Công nghệ thông tin hoặc các bộ phận công nghệ thông tin trực thuộc văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ⁵⁵ thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin. Tổng số cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại đơn vị cấp phòng về công nghệ thông tin tại các văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ hiện có 223 người, bình quân là 3,7 người/tỉnh uỷ, thành uỷ. Đa số các địa phương bố trí đồng chí trưởng phòng là cán bộ công nghệ thông tin⁵⁶. Có 521 huyện uỷ, thị uỷ bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tại cấp huyện, đạt tỉ lệ 78% số huyện uỷ, thị uỷ có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.

Có 10 địa phương đang áp dụng chế độ đãi ngộ cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại cấp tỉnh⁵⁷ nhưng chỉ có 8 địa phương trong số đó có chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công nghệ thông tin cấp huyện⁵⁸.

7. Kinh phí

Văn phòng Trung ương Đảng đã bố trí đủ kinh phí năm 2022 theo nguồn vốn đầu tư và nguồn thường xuyên để triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình 27 theo kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin.

Dự kiến nguồn kinh phí của các tỉnh uỷ, thành uỷ đề xuất cho cả giai đoạn 2021 - 2025 là 3.419 tỉ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 1.795 tỉ đồng và vốn chi thường xuyên là 1.624 tỉ đồng. Kinh phí đã sử dụng trong năm 2022 là 334 tỉ đồng, trong đó kinh phí bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật là 249 tỉ đồng, mua sắm, phát triển phần mềm, ứng dụng, số hoá dữ liệu là 78 tỉ đồng, đào tạo, tập huấn là 7 tỉ đồng, các công việc khác là 10 tỉ đồng.

8. Các khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân

- Một số cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương chưa ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình 27; chưa bố trí đủ và kịp thời nguồn kinh phí để triển khai các nhiệm vụ đã đề ra; kinh phí một số địa phương bố trí chưa tương xứng với mục tiêu đã đưa ra để thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ

tỉnh uỷ, thành uỷ trực tiếp phụ trách công nghệ thông tin, có 36 địa phương cử đồng chí phó chánh văn phòng phụ trách công nghệ thông tin.

⁵⁵ Đa số các văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ có phòng cơ yếu - công nghệ thông tin, một số địa phương có phòng công nghệ thông tin, 1 địa phương duy trì trung tâm công nghệ thông tin hoạt động theo hình thức đơn vị sự nghiệp (An Giang). Một số địa phương bộ phận công nghệ thông tin (2 - 3 người) trực thuộc phòng văn thư, lưu trữ.

⁵⁶ Có 37 địa phương bố trí đồng chí trưởng phòng là cán bộ công nghệ thông tin, có 19 địa phương bố trí đồng chí phó trưởng phòng phụ trách công nghệ thông tin.

⁵⁷ Bao gồm: Bình Dương (2.000.000), Bình Định (447.000), Bình Thuận (250.000), Hà Nội (2.980.000), Hậu Giang (750.000), Khánh Hoà (200.000), Lào Cai (2.980.000), Nghệ An (700.000), Tiền Giang (596.000), Thanh Hoá (1.500.000 - 1.800.000) (ĐVT: Đồng/người/tháng).

⁵⁸ Hậu Giang và Lào Cai chỉ có chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công nghệ thông tin cấp tỉnh.

thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021 - 2025; công tác đầu tư cho an toàn thông tin chưa được quan tâm đúng mức.

- Việc tổ chức thành 2 mạng máy tính tách biệt với nhau theo quy định (một số cơ quan còn tổ chức thêm các mạng mật riêng) nên số lượng trang thiết bị phải đầu tư kinh phí nhiều (so với 1 mạng như các cơ quan nhà nước), khó khăn trong việc quản trị, vận hành. Ngoài ra, theo văn bản hiện hành của Thủ tướng Chính phủ quy định mỗi cán bộ, công chức chỉ được trang bị 1 bộ máy tính với định mức 15 triệu đồng⁵⁹ gây khó khăn cho việc triển khai, thực hiện.

- Việc mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin theo hình thức tập trung tại một số địa phương còn nhiều bất cập, thời gian cung cấp máy cho cán bộ không kịp thời theo yêu cầu.

- Có tới 12 địa phương chưa xác định được thời gian xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm tích hợp dữ liệu. Có 3 địa phương vẫn chưa hoàn thành việc tập trung máy chủ và CSDL từ cấp huyện về cấp tỉnh.

- Các phần mềm trong mạng thông tin diện rộng của Đảng theo quy định chưa được tích hợp cho các thiết bị di động nên khó khăn cho việc xử lý thông tin mọi lúc, mọi nơi.

- Những phần mềm dịch vụ trọng tâm của các cơ quan đảng đang trong quá trình hoàn thiện nên chưa thể tích hợp các hệ thống thông tin khác vào như: Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của Đảng, hệ thống quản lý người dùng tập trung, thư điện tử...

- Về công tác bảo đảm an toàn thông tin:

+ Nhiều địa phương có hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư lâu, máy tính và hệ điều hành Windows phiên bản cũ nên còn nhiều lỗ hổng bảo mật và không được hãng Microsoft hỗ trợ⁶⁰.

+ Hạ tầng kỹ thuật chưa hoàn thiện, chưa đầu tư các nội dung liên quan tới bảo đảm an toàn, an ninh thông tin như hệ thống giám sát an ninh mạng; các điều luật và chính sách an ninh mạng đã lạc hậu chưa điều chỉnh để phù hợp với thực tế; phần mềm phòng, chống virus bản quyền chưa được đầu tư và triển khai đầy đủ tại các đơn vị.

+ Một số sản phẩm của Ban Cơ yếu Chính phủ chưa thuận tiện cho người sử dụng.

⁵⁹ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg, ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

⁶⁰ Số máy tính sử dụng hệ điều hành phiên bản thấp tại cấp tỉnh là 1.838 chiếc, tại cấp huyện là 3.794 chiếc.

+ Các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng, hệ quản trị cơ sở dữ liệu được sử dụng nhiều năm, không nâng cấp và cập nhật nên có nhiều lỗ hổng bảo mật giúp cho tin tặc xâm nhập hệ thống mạng để đánh cắp và chuyển tài liệu, đặc biệt là các phần mềm giao diện web.

+ Việc soạn thảo, lưu trữ, gửi nhận các tài liệu có nội dung thông tin mật chưa đúng với quy định hiện hành, một số đơn vị thực hiện trên máy tính dùng chung có kết nối Internet.

+ Cán bộ sử dụng phần lớn dùng USB thương mại để sao chép dữ liệu do USB an toàn của Ban Cơ yếu Chính phủ chưa cung cấp đủ; các thiết bị USB thương mại nhiễm nhiều mã độc, phần mềm gián điệp nên là phương tiện để tin tặc lợi dụng thu thập tài liệu và chuyển ra ngoài Internet khi có kết nối. Ý thức cán bộ sử dụng chưa tốt, còn tình trạng kết nối máy tính trong mạng nội bộ với Internet tại một số cơ quan, đơn vị⁶¹ và soạn thảo, gửi nhận văn bản có nội dung thông tin mật trên các phương tiện không có giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ, trong đó có cả việc sử dụng mạng xã hội như zalo để gửi, nhận. Ngoài ra còn nhiều cán bộ sử dụng các thiết bị cá nhân kết nối với mạng nội bộ như điện thoại di động, thiết bị wifi hoặc máy tính cá nhân có chứa mã độc.

+ Phần lớn các địa phương chưa thực hiện việc tiêu huỷ ổ đĩa cứng, các vật mang tin để tránh thất thoát dữ liệu. Việc bảo trì trang thiết bị chưa thực hiện thường xuyên vì không có kinh phí và hướng dẫn về định mức dự toán.

+ Các cơ quan đảng chưa có cán bộ an toàn thông tin chuyên trách; chưa thực hiện đánh giá cấp độ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin do cơ quan quản lý.

- Việc tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin tại một số cơ quan chưa được đồng đều. Còn 16 địa phương chưa thực hiện được việc tập huấn cho cán bộ công nghệ thông tin cấp huyện. Hầu hết các cơ quan Trung ương và một số địa phương⁶² chưa tổ chức tập huấn được đầy đủ đối với người sử dụng các cấp.

- Tổ chức bộ máy công nghệ thông tin chưa thống nhất trong các cơ quan đảng khó khăn trong việc chỉ đạo, triển khai từ Trung ương tới địa phương, một

⁶¹ Còn 5 địa phương chưa tách biệt được hoàn toàn mạng nội bộ của Đảng với Internet tại cấp tỉnh. Còn 4 địa phương chưa tách biệt được hoàn toàn mạng nội bộ của Đảng với Internet tại cấp huyện. Còn 1 địa phương có một số máy tính cấp tỉnh kết nối đồng thời với cả 2 mạng và còn 3 địa phương có một số máy tính cấp tỉnh kết nối luân phiên giữa 2 mạng. Còn 2 địa phương có một số máy tính cấp huyện kết nối đồng thời với cả 2 mạng và còn 1 địa phương có một số máy tính cấp huyện kết nối luân phiên giữa 2 mạng.

⁶² Trong năm 2022, có 20 địa phương chỉ tổ chức tập huấn được cho một số cán bộ cấp tỉnh và 9 địa phương không tổ chức được việc tập huấn cho cán bộ cấp tỉnh. Có 17 địa phương chỉ tổ chức tập huấn cho một số cán bộ cấp huyện và 11 địa phương không tổ chức được việc tập huấn cho cán bộ cấp huyện. Có 21 địa phương chỉ tổ chức tập huấn được cho một số cán bộ cấp xã và 22 địa phương không tổ chức tập huấn được cho cán bộ cấp xã.

số văn phòng tỉnh uỷ Trưởng Phòng công nghệ thông tin hoặc phụ trách bộ phận công nghệ thông tin là những người không có chuyên ngành về lĩnh vực này; lực lượng cán bộ công nghệ thông tin mỏng⁶³, công việc ngày càng nhiều do các cơ quan đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin nên khó khăn trong việc xây dựng, tiếp nhận các sản phẩm, triển khai, vận hành, quản lý hệ thống thông tin bảo đảm an toàn, thông suốt, hỗ trợ kỹ thuật và hệ thống hội nghị trực tuyến. Một số cơ quan đảng ở Trung ương chỉ có 1 cán bộ công nghệ thông tin nên chỉ có thể phối hợp hỗ trợ kỹ thuật người dùng, không đủ lực lượng để tham mưu xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành theo Chương trình 27.

- Hầu hết các cơ quan Trung ương Đảng và các địa phương không có cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, giữ chân cán bộ công nghệ thông tin làm việc tại các cơ quan đảng.

- Một số văn bản quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin điện rộng của Đảng, bảo vệ bí mật nhà nước,... đã lạc hậu so với yêu cầu thực tế và các căn cứ pháp lý mới, nhất là việc liên thông trao đổi dữ liệu với các cơ quan chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội.

II- Một số kiến nghị, đề xuất của các tỉnh uỷ, thành uỷ với Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan đảng ở Trung ương

- Thường xuyên quan tâm và chỉ đạo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan đảng; quán triệt vai trò, trách nhiệm, nhận thức của lãnh đạo, đặc biệt người đứng đầu các cấp uỷ trong việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; tổ chức họp giao ban về ứng dụng công nghệ thông tin toàn quốc hằng năm. Ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo áp dụng các chuẩn thông tin, chuẩn công nghệ, nghiệp vụ, quy trình theo Kiến trúc tổng thể.

- Nghiên cứu, đề xuất hướng dẫn về việc trang bị máy tính xách tay cho cán bộ và trang bị nhiều máy tính cho mỗi vị trí (mạng nội bộ, mạng Internet) để tháo gỡ vướng mắc tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg, ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

- Hướng dẫn thực hiện thống nhất về quản lý, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu; các giải pháp cụ thể về bảo mật an toàn, an ninh thông tin; quy định về công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và hệ thống mạng; công tác đánh giá tính an toàn các phần mềm đang sử dụng trên Internet.

⁶³ Các địa phương chỉ có 2 cán bộ công nghệ thông tin chuyên trách tại cấp tỉnh: Bình Phước, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Kon Tum, Lai Châu, Nam Định, Quảng Nam, Sơn La, Tây Ninh, Tuyên Quang.

- Các cơ quan đảng ở Trung ương đẩy nhanh việc triển khai các hệ thống thông tin dùng chung bảo đảm tiến độ theo Chương trình 27. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho các địa phương triển khai Chương trình 27.

- Tăng cường tập huấn, tổ chức các lớp tập huấn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho lãnh đạo tỉnh ủy và cán bộ công nghệ thông tin, tập huấn chuyên sâu về an toàn thông tin cho cán bộ công nghệ thông tin và người sử dụng. Thường xuyên mở các lớp tập huấn CIO cho lãnh đạo phụ trách công nghệ thông tin; tổ chức học tập, nghiên cứu mô hình ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong và ngoài nước cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ chủ chốt về công nghệ thông tin.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương tham mưu với Ban Bí thư về tổ chức bộ máy, nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin các cơ quan đảng cấp tỉnh và cấp huyện, thị, thành phù hợp với tình hình thực tế, nhất là giai đoạn thực hiện chuyển đổi số, chỉ đạo các cơ quan đảng bố trí ít nhất 1 cán bộ có chuyên môn về công nghệ thông tin chịu trách nhiệm triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng cấp huyện; hướng dẫn về chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức trực tiếp quản lý, vận hành khai thác đài điện báo do Cục Bưu điện Trung ương chuyển giao; các chế độ, chính sách cho cán bộ công nghệ thông tin.

- Xây dựng các văn bản quy định, hướng dẫn mới phù hợp với yêu cầu thực tế, nhất là việc liên thông, trao đổi thông tin dữ liệu với các cơ quan chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội; ban hành cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan đảng với cơ quan nhà nước; các văn bản về quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử.

III- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Văn phòng Trung ương Đảng tham mưu, giúp Ban Bí thư chỉ đạo các cơ quan đảng thực hiện Chương trình 27; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ các cơ quan đảng triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; tổ chức xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống thông tin trọng điểm của Chương trình 27; rà soát, bổ sung các văn bản quy định, hướng dẫn, tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin⁶⁴; đánh giá, xếp hạng chỉ số ứng dụng công nghệ

⁶⁴ Xây dựng văn bản mới của Ban Bí thư thay thế Quyết định số 273-QĐ/TW, ngày 03/3/2015 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin điện rộng của Đảng; xây dựng Quy định thay thế Quy định số 15-QĐ/VPTW, ngày 30/01/2018 về mã định danh của các cơ quan đảng trên mạng máy tính; hướng dẫn xây dựng module kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu qua trực tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan đảng; xây dựng các văn bản liên quan.

thông tin - truyền thông trong hệ thống các cơ quan đảng năm 2023; chuẩn bị kế hoạch sơ kết Chương trình 27; rà soát, bố trí kinh phí để các cơ quan đảng ở Trung ương triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch.

- Các cơ quan đảng ở Trung ương tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai, hoàn thành các nhiệm vụ do Ban Bí thư giao tại Chương trình 27; xây dựng, nâng cấp các hệ thống thông tin chuyên ngành do cơ quan chủ trì; đào tạo, tập huấn kỹ năng công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm, bảo đảm an ninh, an toàn; rà soát, bổ sung các quy chế, quy định về quản lý, vận hành, khai thác, bảo vệ các hệ thống thông tin.

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai, hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch thực hiện Chương trình 27 và các nghị quyết, chương trình chuyển đổi số của địa phương; tiếp nhận, triển khai các hệ thống thông tin dùng chung của các cơ quan đảng ở Trung ương; tăng cường số hoá hình thành kho dữ liệu; đẩy mạnh việc trao đổi thông tin trên mạng với các cơ quan trong địa phương và với cơ quan ở các cấp; đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ công nghệ thông tin, kỹ năng công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm; xem xét các chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công nghệ thông tin trong tỉnh, thành; rà soát, xây dựng bổ sung các quy chế, quy định về quản lý, vận hành, khai thác hệ thống mạng máy tính, trung tâm tích hợp dữ liệu, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; bố trí đủ kinh phí để triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch.

2. Công tác triển khai, quản trị, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Văn phòng Trung ương Đảng

+ Tập trung triển khai Dự án Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung cho các cơ quan đảng ở Trung ương (tại Hà Nội và T.78); hoàn thiện Dự án Xây dựng hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng của các cơ quan đảng ở Trung ương;

+ Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dịch vụ hệ thống⁶⁵, phần mềm hệ thống thông tin dùng chung trên mạng thông tin diện rộng của Đảng; triển khai hạ tầng kỹ thuật phục vụ các hoạt động số hoá và hệ thống thông tin của các cơ quan đảng ở Trung ương.

+ Xây dựng các dịch vụ hệ thống như Quản lý người dùng tập trung của cơ quan đảng; Thư điện tử trên Internet cho các cơ quan đảng ở Trung ương; Thư điện tử nội bộ của các cơ quan đảng.

⁶⁵ Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của Đảng; Chứng thực chữ ký số; dịch vụ tên miền DNS; ...

+ Triển khai các giải pháp bảo đảm tính sẵn sàng cao cho các dịch vụ hệ thống phục vụ mạng thông tin diện rộng của Đảng.

+ Quản trị, giám sát, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung cho các cơ quan đảng ở Trung ương;

+ Bảo đảm hệ thống hội nghị trực tuyến vận hành ổn định, thông suốt.

+ Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho người sử dụng đáp ứng yêu cầu công việc; tiếp nhận và triển khai máy tính an toàn đa giao diện của Ban Cơ yếu Chính phủ.

+ Tổ chức hướng dẫn các cơ quan đảng chuyển đổi hạ tầng kỹ thuật và các ứng dụng phục vụ mạng Internet sang IPv6.

- Các cơ quan đảng ở Trung ương nâng cấp hạ tầng mạng trong nội bộ cơ quan; bảo đảm kết nối giữa cơ quan với Trung tâm tích hợp dữ liệu; tổ chức kết nối mạng Internet để sử dụng các ứng dụng an toàn, thông suốt; tiếp nhận và tổ chức sử dụng máy tính an toàn đa giao diện; đầu tư trang bị thiết bị công nghệ thông tin cho người sử dụng; nâng cấp hệ thống phòng họp trực tuyến; quản trị, vận hành hệ thống mạng máy tính của cơ quan.

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu, hệ thống phòng họp trực tuyến; bảo đảm hạ tầng kết nối thông suốt, an toàn cho mạng thông tin diện rộng và mạng Internet; đầu tư xây dựng hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin; bổ sung, nâng cấp, thay thế các thiết bị mạng trong trụ sở và trang thiết bị công nghệ thông tin cho cán bộ sử dụng.

3. Công tác triển khai và đưa vào sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng; công tác số hoá tài liệu

- Văn phòng Trung ương Đảng

+ Chủ trì triển khai các phần mềm dùng chung như Hệ điều hành tác nghiệp, Quản lý tài liệu số hoá lưu trữ, Quản lý tài sản, Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ.

+ Triển khai Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của Đảng để sử dụng dữ liệu, trao đổi thông tin với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của quốc gia, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

+ Xây dựng các phần mềm để sử dụng trong nội bộ cơ quan và chuyển giao cho các cơ quan đảng khi có nhu cầu: Quản lý phòng họp không giấy; Hệ thống thông tin theo dõi ý kiến chỉ đạo của Trung ương; Hệ thống thông báo tương tác, họp nội bộ an toàn. Khảo sát, chuẩn bị xây dựng phần mềm Quản lý đơn, thư, khiếu nại, tố cáo.

+ Tiếp tục thực hiện việc số hoá tài liệu phục vụ cho Kho Lưu trữ điện tử, tăng cường trao đổi thông tin, văn bản điện tử có chữ ký số giữa các cơ quan đảng ở các cấp qua mạng thông tin diện rộng của Đảng và giữa cơ quan đảng với cơ quan chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Các cơ quan đảng ở Trung ương

+ Xây dựng các hệ thống thông tin chuyên ngành: Xây dựng cơ sở dữ liệu tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị; xây dựng phần mềm phục vụ công tác bảo vệ chính trị nội bộ; cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đối ngoại nhân dân; nâng cấp cơ sở dữ liệu về các đảng mà Đảng ta có quan hệ và về phong trào cộng sản, công nhân quốc tế; hệ thống thông tin Ban Dân vận Trung ương; hệ thống thông tin chuyên ngành Thông tin kinh tế - xã hội; nâng cấp phần mềm quản lý hồ sơ sức khoẻ cán bộ Trung ương; tiếp tục triển khai các phần mềm chuyên ngành Kiểm tra đảng...

+ Xây dựng, nâng cấp, triển khai các phần mềm nội bộ phục vụ hoạt động nghiệp vụ của cơ quan.

+ Cập nhật, số hoá tài liệu, gửi, nhận văn bản có chữ ký số trên mạng máy tính.

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ xây dựng các phần mềm đặc thù của địa phương, tiếp nhận các phần mềm hệ thống thông tin do các cơ quan đảng ở Trung ương chuyển giao; xây dựng các module kết nối với Trục tích hợp, dữ liệu của Đảng phục vụ việc chia sẻ dữ liệu, trao đổi văn bản với các cơ quan đảng và với cơ quan nhà nước; triển khai, tăng cường số hoá tài liệu, cập nhật dữ liệu, sử dụng chữ ký số trên văn bản điện tử.

4. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

- Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện kiểm tra, giám sát an ninh mạng cho mạng thông tin diện rộng của Đảng, mạng máy tính của các cơ quan đảng ở Trung ương và các ứng dụng trên mạng Internet; cảnh báo, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan đảng về an ninh mạng; triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; tổ chức hướng dẫn làm hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin; phối hợp triển khai các giải pháp mạng LAN có sử dụng giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ cho các cơ quan đảng ở Trung ương; quản lý, cấp phát, thu hồi, cài đặt các sản phẩm mật mã, thiết bị lưu trữ an toàn của Cơ yếu triển khai tại Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng; thực hiện việc tiêu huỷ ổ đĩa cứng và vật mang tin của các cơ quan đảng ở Trung ương.

- Các cơ quan đảng ở Trung ương quản lý hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống thông tin của cơ quan, kiểm soát chặt chẽ người dùng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet và việc sử dụng USB thương mại; phối hợp kiểm tra, giám sát và giải quyết các sự cố an ninh mạng; triển khai các giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ và lực lượng chức năng khác theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng; nâng cấp, vá lỗ hổng bảo mật của hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng cùng nền tảng phát triển ứng dụng; cài đặt phần mềm chống virus có bản quyền cho các máy trạm; thực hiện đúng các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trên máy tính, mạng máy tính.

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ: Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin toàn bộ hệ thống mạng máy tính, hệ thống thông tin, dữ liệu của các cơ quan đảng tại địa phương, quản trị, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu; quản lý, vận hành hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng của tỉnh uỷ, thành uỷ; rà soát, thiết lập chính sách an ninh mạng tại tỉnh uỷ, thành uỷ; cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền cho máy chủ, máy trạm; triển khai các giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ; bảo vệ bí mật nhà nước trên máy tính và mạng máy tính theo các quy định của Đảng và Nhà nước.

5. Công tác đào tạo, tập huấn cán bộ sử dụng và cán bộ công nghệ thông tin

Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức tập huấn cho cán bộ kỹ thuật của các tỉnh uỷ, thành uỷ và các cơ quan Trung ương và cán bộ của Văn phòng Trung ương Đảng.

Các cơ quan đảng ở Trung ương tập huấn cho người sử dụng về việc cập nhật, khai thác dữ liệu trên các hệ thống thông tin, sử dụng chữ ký số và kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ tổ chức quán triệt công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin cho các cấp lãnh đạo; tập huấn cho cán bộ công nghệ thông tin các đảng uỷ trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật công nghệ mới; tập huấn cho người sử dụng các cấp tại địa phương về việc sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

6. Tổ chức bộ máy chỉ đạo, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hoàn thành Đề án tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin - Cơ yếu thành Cục Công nghệ thông tin - Cơ yếu; tiếp tục nghiên cứu tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và chế độ, chính sách của cán bộ công nghệ thông tin làm việc trong các cơ quan đảng.

Các cơ quan đảng ở Trung ương phân công lãnh đạo chỉ đạo, phụ trách công nghệ thông tin, bổ sung cán bộ công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của việc tham mưu và tổ chức xây dựng, triển khai các phần mềm hệ thống thông tin được sử dụng theo ngành, lĩnh vực trong toàn bộ hệ thống theo Chương trình 27.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ phân công lãnh đạo chỉ đạo, phụ trách triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin; kiện toàn bộ máy công nghệ thông tin tại các cấp; chủ động ban hành các chế độ, chính sách nhằm thu hút, giữ chân cán bộ có năng lực tại địa phương.

7. Kinh phí

Văn phòng Trung ương Đảng bố trí đủ kinh phí năm 2023 theo nguồn đầu tư công và nguồn thường xuyên để các cơ quan đảng ở Trung ương triển khai nhiệm vụ theo Chương trình 27. Với các địa phương dự kiến tổng kinh phí theo báo cáo là 978,24 tỉ đồng⁶⁶.

IV- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kiến nghị với Ban Bí thư

Chỉ đạo xây dựng quy định mới về quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin diện rộng của Đảng; cơ chế chia sẻ dữ liệu với cơ quan chính quyền; hướng dẫn về tổ chức bộ máy, biên chế, chính sách ưu đãi cho cán bộ công nghệ thông tin trong hệ thống các cơ quan đảng, đáp ứng yêu cầu tham mưu và triển khai, quản lý ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
Đã ký: Bùi Văn Thạch

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG

SAO LỤC

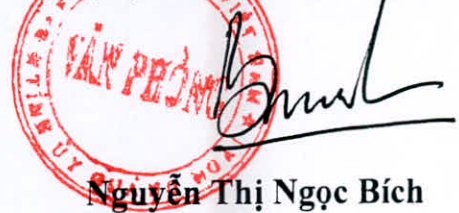
Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 5 năm 2023

Số 828-BS/VPTU

Nơi nhận

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Báo Quảng Ngãi, Trường Chính trị tỉnh,
- Ban Bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- C, PCVP Tỉnh ủy; P. TH, P. CY – CNTT,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG


Nguyễn Thị Ngọc Bích

⁶⁶ Kinh phí để bổ sung, thay thế, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tại các tỉnh uỷ, thành uỷ năm 2023 là 603,7 tỉ đồng, kinh phí để mua sắm, phát triển phần mềm ứng dụng, số hoá dữ liệu năm 2023 là 312,2 tỉ đồng, kinh phí để đào tạo, tập huấn là 14,3 tỉ đồng và kinh phí khác là 47,9 tỉ đồng.